

Bản án số: 40/2020/DS-ST
Ngày: 18-5-2020
V/v tranh chấp về hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tâm;
2. Ông Huỳnh Tấn Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2020/QĐXX-ST ngày 30 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: ấp M, xã M1, huyện C, tỉnh An Giang; Có mặt;

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn N, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; Vắng mặt;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Huỳnh Kim P, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang. Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: số 477, đường, khóm B, phường B1, thành phố L, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 30/3/2020); Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản có trong hồ sơ vụ án các nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày: Vào ngày 31/10/2016 bà có cho ông Phạm Văn N và bà Huỳnh Kim P có vay số tiền 220.000.000đồng để đáo hạn ngân hàng, từ ngày vay đến nay không đóng lãi và cũng không trả vốn, bà có đến đòi

nhiều lần và gặp bà P vì khi vay tiền ông N có đưa giấy chứng minh của bà P để ghi vào hợp đồng vay nhưng khi nhận tiền thì không có bà P ký tên, có đến nhà gặp bà P thì bà P có hứa trả từ từ nhưng không trả và hứa chờ con về trả nhưng đến vẫn chưa trả. Nay yêu cầu bà P có nghĩa vụ liên đới với ông N trả số tiền vốn 220.000.000đồng và tính lãi từ ngày 02/11/2016 cho đến khi xét xử. Tại phiên tòa, bà Trần Thị T rút lại yêu cầu khởi kiện đòi bà P cùng trả số tiền.

Ông Phạm Văn N đã được tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hòa giải nhưng không gửi văn bản ghi ý kiến về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Nguyễn Văn P là người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Kim P: bà P không có giao dịch mượn tiền của bà T nên không đồng ý trả nợ. Tại phiên tòa, bà Trần Thị T rút lại yêu cầu khởi kiện đòi bà P cùng trả số tiền đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Trần Thị T khởi kiện bà ông Phạm Văn N tranh chấp về hợp đồng dân sự. Ông N có địa chỉ cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh An Giang. Căn cứ các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định;

[1.2] Ông Phạm Văn N đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[1.3] Tại phiên tòa, bà Trần Thị T tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện đòi bà P cùng với ông N trả tiền. Đây là sự tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn N trả số tiền vay hiện còn thiếu là 220.000.000đồng, căn cứ khởi kiện là biên nhận kiêm thỏa thuận vay vốn ghi ngày 31/10/2016. Quá trình giải quyết ông N không gửi ý kiến cho Tòa án về việc thụ lý vụ án. Xét thấy hợp đồng vay tiền được giao kết giữa bà T và ông N là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015. Do ông N không thực hiện nghĩa vụ trả lại số tiền trên cho bà T là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 nên yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ và được chấp nhận.

[2.2] Ngoài việc yêu cầu trả vốn nguyên đơn bà Trần Thị T yêu cầu tính lãi từ ngày 02/11/2016 cho đến khi xét xử. Hội đồng xét xử thấy rằng: Qua đối chiếu với chứng cứ là biên nhận kiêm thỏa thuận vay vốn ghi ngày 31/10/2016 hạn trả là 31/10 – 02/11/2016, không có ghi mức lãi, đã có cơ sở xác định giao

dịch giữa các đương sự là hợp đồng vay có thời hạn và không có lãi. Tòa án đã nhận đơn khởi kiện và cấp giấy xác nhận ngày 15/10/2019 cho nên xác định đến ngày khởi kiện vẫn còn trong thời hạn để yêu cầu trả lãi. Căn cứ quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự và được hướng dẫn tại khoản 1, Điều 5; điểm b, khoản 1, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn theo quy định của pháp luật; bị đơn phải trả tiền lãi kể từ ngày đến hạn trả nợ trong văn bản hợp đồng và tiền lãi được tính như sau:

Theo biên nhận kiêm thỏa thuận vay vốn ghi ngày 31/10/2016 hạn trả là 31/10 – 02/11/2016 nên được tính lãi từ ngày 02/11/2016; Từ ngày 02/11/2016 đến ngày 18/5/2020 là 1.293 ngày, tiền lãi được tính là: 220.000.000đồng x (10%/năm) (10/100/365) x 1.293 ngày = 77.934.000đồng.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 244 và 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự; Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với bà Huỳnh Kim P có nghĩa vụ liên đới trả tiền; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với ông Phạm Văn N và xử như sau:

1) Buộc ông Phạm Văn N có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T số tiền vay 220.000.000đồng (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi 77.934.000đồng (Bằng chữ: Bảy mươi bảy triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

2) Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3) Về án phí: Ông Phạm Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.897.000đồng (Bằng chữ: Mười bốn triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn đồng); Bà Trần Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.500.000đồng (Bằng chữ: Năm triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007902 ngày 15/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

4) Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc

thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Hùng